

Số: /2026/QĐ-UBND Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP, Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2026.
- Các quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Nam Định.

b) Quyết định số 58/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình.

c) Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Ktra VB và Tổ chức THPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- VP Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước khu vực V;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP và PCVP;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP3,5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

QUY ĐỊNH

**Chi tiết nội dung chi và mức chi
của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Quỹ) cho công tác hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Nguyên tắc chi Quỹ

1. Hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Việc chi Quỹ phải đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mức hỗ trợ và đúng đối tượng.

3. Trong trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, cùng một thời điểm thì đối tượng được nhận một chính sách hỗ trợ cao nhất.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai

Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai, ưu tiên các hoạt động sau đây:

1. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai:

a) Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm.

b) Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán.

c) Tổ chức tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai.

d) Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

đ) Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai được huy động tham gia ứng phó thiên tai theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai (thời gian cứu trợ không quá 03 tháng).

b) Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai.

c) Hỗ trợ tu sửa nhà ở bị thiệt hại do thiên tai.

d) Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai, bao gồm: Cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở.

đ) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai.

e) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai.

g) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai.

3. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai:

a) Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai (xây dựng bản tin, phóng sự, tờ rơi, pano, áp phích), tuyên truyền về phòng, chống thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nơi công cộng.

b) Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai.

c) Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm.

d) Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai ở địa phương và cộng đồng.

đ) Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp.

e) Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

g) Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai.

h) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng.

i) Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

4. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

(Chi tiết mức chi kèm theo Phụ lục)

5. Đối với các nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ cấp tỉnh.

Điều 4. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển nộp vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh 72% số thu quỹ trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã được giữ lại 28% số thu thực tế trên địa bàn để thực hiện chi hỗ trợ cho các nội dung:

- a) Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu quỹ không quá 5%;
- b) Chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ không quá 3%;
- c) Chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 3 Quy định này tại cấp xã không quá 20%;

Nội dung chi và mức chi cụ thể tại điểm a, b khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành có liên quan, nhưng phải được công khai, minh bạch.

2. Sau khi cấp xã có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã đã sử dụng hết.

Điều 5. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh, dùng để chi cho các nội dung:

1. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Giám đốc Quỹ bằng 10% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh lãnh đạo cũng chỉ hưởng một mức phụ cấp.

Mức chi thù lao cho Phó Giám đốc Quỹ tối đa không quá 0,3 lần mức lương cơ sở hiện hành.

Mức chi thù lao cho bộ phận giúp việc Quỹ tối đa không quá 0,2 lần mức lương cơ sở hiện hành.

(Mức thù lao sẽ thay đổi theo các quy định hiện hành)

2. Chi phí hành chính phát sinh của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh: Nội dung chi và mức chi quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Thẩm quyền chi

Căn cứ nhu cầu thực tế, khả năng tài chính của Quỹ và nội dung chi, mức chi tại Quy định này:

1. Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai do Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Đối với phần Quỹ phân bổ cho cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân liên quan; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Cơ quan Quản lý Quỹ tỉnh

a) Có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí của Quỹ phòng, chống thiên tai được phân bổ theo đúng Quy định này và các quy định hiện hành có liên quan.

b) Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chi từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh theo Quy định này.

c) Lập và phê duyệt kế hoạch thu, nộp Quỹ cấp tỉnh trước ngày 31/5 hàng năm.

d) Lập dự toán chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

e) Báo cáo Sở Tài chính: Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và lập quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân

dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

g) Báo cáo kết quả thu, chi quỹ với cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

h) Công khai kết quả thu, chi, báo cáo quyết toán thu, chi theo đúng quy định.

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương theo quy định.

b) Tổ chức thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt có sử dụng nguồn vốn từ Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức

a) Có văn bản tổng hợp thiệt hại với UBND xã, phường theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính); đề xuất nhu cầu hỗ trợ với địa phương hoặc Cơ quan quản lý Quỹ.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các hoạt động phòng, chống thiên tai khác có liên quan.

c) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

d) Lập báo cáo quyết toán và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 28/02 năm sau.

đ) Tổ chức lập, trình phê duyệt, quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động và các đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn.

b) Tổ chức thống kê, kiểm tra, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra; nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và kết quả thực hiện, báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí của Quỹ phòng, chống thiên tai được phân bổ theo đúng Quy định này và các quy định hiện hành có liên quan. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã đã sử dụng ngân sách địa phương và nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai được giữ lại tại địa phương nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ kèm theo tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ qua Cơ quan quản lý Quỹ.

đ) Lập báo cáo quyết toán và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo về Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 28/02 năm sau.

e) Tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt có sử dụng nguồn vốn từ Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Bình (qua Chi cục Thủy lợi, số 102 đường 30/6, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục
NỘI DUNG CHI, MỨC CHI QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH NINH BÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai		
1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm.		Mức hỗ trợ tối đa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ
2	Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	Đồng/người/ngày	60.000
3	Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai		
-	Thời gian ban ngày (12 giờ/ca)	Đồng/người/ca	1,5 lần ngày công lao động trung bình tính trên cơ sở mức lương cơ sở
-	Thời gian ban đêm (từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau)	Đồng/người/ca	02 lần ngày công lao động trung bình tính trên cơ sở mức lương cơ sở
4	Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai		
	Đối với người không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước		
-	Thời gian huy động từ 6 giờ sáng đến 22 giờ đêm	Đồng/người/ngày	330.000
-	Thời gian huy động từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau	Đồng/người/ngày	495.000
5	Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai (đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước)	Đồng/người/ngày	100.000
II	Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai		
1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực	Người/tháng	15kg gạo
2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác	đồng/người/đợt	200.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
3	Hỗ trợ tu sửa nhà ở bị thiệt hại do thiên tai		
-	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	đồng/nhà/hộ	60.000.000
-	Thiệt hại rất nặng (từ 50% - 70%)	đồng/nhà/hộ	40.000.000
-	Thiệt hại nặng (từ 30% - 50%)	đồng/nhà/hộ	20.000.000
-	Thiệt hại dưới 30%	đồng/nhà/hộ	10.000.000
4	Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai, bao gồm: Cơ sở y tế, trường học, nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; Tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở.	đồng/công trình	không quá 200 triệu đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình
5	Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã, phường	Mức chi căn cứ tình hình thực tế tối đa không quá 10.000.000/xã, phường và khả năng cân đối của Quỹ
6	Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai	đồng/công trình	tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình
7	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (<i>Trường hợp hỗ trợ bằng giống cây, con, hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ</i>).		
7.1	<i>Hỗ trợ đối với cây trồng</i>		
7.1.1	Diện tích lúa		
-	Sau gieo từ 01 - 10 ngày bị thiệt hại trên 70% diện tích	đồng/ha	6.000.000
-	Sau gieo từ 01 - 10 ngày bị thiệt hại từ 30%-70% diện tích	đồng/ha	3.000.000
-	Sau gieo từ 10 - 45 ngày bị thiệt hại trên 70% diện tích	đồng/ha	8.000.000
-	Sau gieo từ 10 - 45 ngày bị thiệt hại từ 30%-70% diện tích	đồng/ha	4.000.000
-	Sau gieo trên 45 ngày bị thiệt hại trên 70% diện tích	đồng/ha	10.000.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	Sau gieo trên 45 ngày bị thiệt hại từ 30% - 70% diện tích	đồng/ha	5.000.000
7.1.2	Diện tích mạ		
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	đồng/ha	30.000.000
-	Thiệt hại từ 30% - 70% diện tích	đồng/ha	15.000.000
7.1.3	Diện tích cây hàng năm		
-	Cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) thiệt hại trên 70% diện tích	đồng/ha	6.000.000
-	Cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) thiệt hại từ 30% - 70% diện tích	đồng/ha	3.000.000
-	Cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) thiệt hại trên 70% diện tích	đồng/ha	10.000.000
-	Cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) thiệt hại từ 30% - 70% diện tích	đồng/ha	5.000.000
-	Cây cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) thiệt hại trên 70% diện tích	đồng/ha	15.000.000
-	Cây cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) thiệt hại từ 30% - 70% diện tích	đồng/ha	7.500.000
7.1.4	Diện tích cây trồng lâu năm		
-	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản thiệt hại trên 70% diện tích	đồng/ha	12.000.000
-	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản thiệt hại từ 30% - 70% diện tích	đồng/ha	6.000.000
-	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (thiệt hại trên 70%)	đồng/ha	20.000.000
-	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (thiệt hại từ 30% - 70%)	đồng/ha	10.000.000
-	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường, vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống thiệt hại trên 70% diện tích	đồng/ha	30.000.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường, vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống thiệt hại từ 30% - 70% diện tích	đồng/ha	15.000.000
-	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng thiệt hại trên 70% diện tích	đồng/ha	60.000.000
-	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng thiệt hại từ 30% - 70% diện tích	đồng/ha	30.000.000
7.2	<i>Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp</i>		
-	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến ½ chu kỳ khai thác bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	8.000.000
-	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến ½ chu kỳ khai thác bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	4.000.000
-	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên ½ chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	15.000.000
-	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên ½ chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	7.500.000
-	Diện tích vườn giống, rừng giống thiệt hại trên 70%	đồng/ha	20.000.000
-	Diện tích vườn giống, rừng giống thiệt hại từ 30% đến 70%	đồng/ha	10.000.000
-	Cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm đối với nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi thiệt hại trên 70%	đồng/ha	40.000.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	Cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm đối với nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	20.000.000
	Cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm đối với nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi thiệt hại trên 70%	đồng/ha	60.000.000
-	Cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm đối với nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	30.000.000
7.3	Hỗ trợ đối với nuôi trồng thủy sản		
-	Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	đồng/ha	60.000.000
-	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè	đồng/100 m ³	30.000.000
-	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	đồng/ha	15.000.000
7.4	Hỗ trợ đối với vật nuôi		
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu) đến 28 ngày tuổi	đồng/con	23.000
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu) trên 28 ngày tuổi	đồng/con	38.000
-	Chim cút đến 28 ngày tuổi	đồng/con	4.000
-	Chim cút trên 28 ngày tuổi	đồng/con	8.000
-	Lợn đến 28 ngày tuổi	đồng/con	550.000
-	Lợn trên 28 ngày tuổi	đồng/con	1.000.000
-	Lợn nái và lợn đực đang khai thác	đồng/con	3.000.000
-	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	đồng/con	3.000.000
-	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	đồng/con	8.000.000
-	Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi	đồng/con	2.300.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi	đồng/con	6.000.000
-	Hươu, sao, cừu, dê, đà điểu	đồng/con	1.800.000
-	Thỏ đến 28 ngày tuổi	đồng/con	40.000
	Thỏ trên 28 ngày tuổi	đồng/con	60.000
-	Ong mật	đồng/đàn	400.000
7.5	<i>Hỗ trợ đối với sản xuất muối (bao gồm diện tích đang sản xuất hoặc diện tích có muối đã được tập kết trên ruộng)</i>		
-	Diện tích bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	4.000.000
	Diện tích bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	3.000.000
III	Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai		
1	Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai (Xây dựng bản tin, phóng sự, tờ rơi, pano, áp phích, đĩa... tuyên truyền về phòng, chống thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nơi công cộng)	đồng/năm	Mức hỗ trợ tối đa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ
2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	đồng/kế hoạch, phương án	Mức hỗ trợ tối đa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ
3	Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm	đồng/hộ	30.000.000
4	Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng	đồng/năm	Mức hỗ trợ tối đa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ
5	Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp	đồng/năm	Mức hỗ trợ tối đa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
6	Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã	đồng/người	Mức hỗ trợ tối đa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ
7	Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai	đồng/người/ngày	Mức hỗ trợ tối đa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ
8	Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng.	đồng	Mức hỗ trợ tối đa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ
9	Mua sắm vật tư ¹ , đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.	đồng	Mức hỗ trợ tối đa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ
IV	Hỗ trợ các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.	đồng	Mức hỗ trợ tối đa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ

¹ Bao gồm vật tư thông thường và vật tư chuyên dùng phục vụ phòng chống, xử lý khẩn cấp sự cố đê điều, hồ đập (cầu kiện bê tông đúc sẵn...) theo quy định của pháp luật.